

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-8-2022.
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Lê Hoàng Điệt.

2/. Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1979. *(Có yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Ấp TrC, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Đường 16A2, ấp BT 1, xã ĐHH, huyện ĐH, tỉnh Long An.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn U- Văn phòng Luật sư Việt U, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. *(Có yêu cầu xét xử vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Ch (Nguyễn Minh Tr), sinh năm 1970. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp TrC, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/4/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh Ch tổ chức tiệc cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Thời

gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau cuộc sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi nên đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

Về con chung: Bà và ông Ch có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/10/1998 và cháu Nguyễn Thủ Kh, sinh ngày 08/10/2001. Hiện nay hai cháu đang sống chung với bà. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Nay bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Minh Ch.

+ Về con chung: Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho ông Nguyễn Minh Ch, ông Ch trực tiếp nhận nhưng ông Ch không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Ch cũng không tham gia các phiên hòa giải và xét xử do Tòa án triệu tập.

Tại bài bảo vệ nguyên đơn ngày 15/8/2022, Luật sư Nguyễn Văn U trình bày: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh Tr đã sống ly thân từ năm 2011, hiện nay bà T không còn tình cảm với ông Ch, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà T được ly hôn với ông Ch. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Ch không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Bị đơn vắng mặt không lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Ch. Về con chung: Các con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Nguyễn Minh Ch, Luật sư Nguyễn Văn U. Tuy nhiên, bà T và Luật sư Nguyễn Văn U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Minh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T, ông Nguyễn Minh Ch và Luật sư Nguyễn Văn U.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh Ch tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà T và ông Ch đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/12/2002, do vậy hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc và đã có con chung với nhau, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Ch.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh Ch đã ly thân từ năm 2011 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn giữa ông, bà không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Ch để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông Ch có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/10/1998 và Nguyễn Thủ Kh, sinh ngày 08/10/2001, hiện nay các con đã trưởng thành có khả năng nuôi sống bản thân. Bà T và ông Ch không yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[6]. Đề nghị của Luật sư và Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Ch.

2/ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003652 ngày 18/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Ông Nguyễn Minh Ch không phải chịu án phí.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

Sơn Thanh Bình Lý Thanh Phong

Trương Anh Tuấn

